TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **42**/2023/DS-ST Ngày 27/7/2023 *V/v "Kiện đòi tài sản"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Xuân Vinh và bà Trịnh Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm* sát nhân dân huyện Krông Pắc tham *gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27/7/2023, tại Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-DS ngày 10/7/2023, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Phương L1, sinh năm: 1967 - *Có mặt*

Địa chỉ: Số X đường D, tổ dân phố Y, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

**** Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị Hồng L2, sinh năm: 1973 - *Có đơn xin xét xử vắng mặt*

Địa chỉ: Số M đường X, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo yêu cầu khởi kiện, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị Phương L1 trình bày:

Tôi (L1) có quen biết bà Nguyễn Thị Hồng L2 và làm ăn với nhau. Quá trình làm ăn có cho bà L2 vay mượn như sau:

Ngày 22/7/2011 (âm lịch) vay 20.000.000 đồng; Ngày 25/12/2011 (âm lịch) vay 20.000.000 đồng; Bà L2 đã trả nên tôi không kiện, không đề cập giải quyết.

Đến ngày 09/3/2012 bà L2 có vay của tôi 100.000.000 đồng (đã trả 50.000.000 đồng vào cuối tháng 8 năm 2016); Về lãi suất: Không ghi cụ thể

trong giấy vay nhưng thoả thuận miệng 1%/tháng từ ngày vay đến ngày trả xong. Tuy nhiên từ ngày 01/9/2016 đến nay bà L2 không trả gốc, lãi nên tôi khởi kiện yêu cầu bà L2 trả số tiền cụ thể:

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng L2 trả lại ngay cho tôi số tiền vay gốc còn lại là: 50.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng tính từ ngày ngày 01/9/2016 đến ngày xét xử.

2. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn - Bà Nguyễn Thị Hồng L2 trình bày:

Vào ngày 09/3/2012 tôi có viết, ký giấy để mượn của bà Nguyễn Thị Phương L1 số tiền là 100.000.000 đồng để thêm vốn kinh doanh; Khoản vay này là riêng tôi vay và không có tài sản thế chấp, không có người liên quan, không có người làm chứng.

Từ sau khi vay đến tháng 8/2016 tôi có trả góp được 50.000.000 đồng nợ gốc. Ngoài ra tôi trả góp thêm một số khoản tiền khác nhưng hiện nay tôi không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh, còn bà L1 cũng không công nhận; Do đó tôi không đề nghị Toà án xem xét làm rõ nội dung này.

Nay bà L1đề nghị Toà án tuyên buộc tôi trả lại ngay cho tôi số tiền vay gốc còn lại là: 50.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng tính từ ngày từ ngày 01/9/2016 đến nay thì tôi có ý kiến:

- Về nợ gốc: Tôi chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc còn lại là: 50.000.000 đồng;

- Về lãi suất: Trong giấy không ghi lãi (chỉ ghi là mượn), tôi không đồng ý trả nợ lãi. Đồng thời nguyên đơn kiện cũng quá thời gian đòi lãi (nghĩa vụ trả nợ từ 01/9/2016) nhưng không kiện đòi, tin nhắn đòi nợ nhiều nhưng tôi chỉ trả lời đến ngày 20/10/2019. Do đó tôi đề nghị Toà án chấp nhận đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu của tôi (bị đơn - Nguyễn Thị Hồng L2) theo Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 150, Điều 429 Bộ luật dân sự và chỉ giải quyết chấp nhận cho nguyên đơn chỉ được kiện đòi tài sản là nợ gốc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, áp dụng khoản 2 Điều 26, Điều 184, Điều 185 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 599, Điều 600 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 3 Điều 150, Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc bà L2 có nghĩa vụ trả cho bà L1 số nợ gốc là 50.000.000 đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc: Yêu cầu bà L2 trả lãi suất phát sinh trên số nợ gốc (50.000.000 đồng) từ ngày 01/9/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất 1%/tháng.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, thể hiện:

Ngày 09/3/2012, bà L2 có ký giấy với nội dung: "L2 mượn chị L1 100.000.000 đồng", trong đó không ghi lãi suất, thời hạn trả nợ. Sau khi nhận tiền, bà L2 đã trả góp cho bà L1 nhiều lần, tính đến tháng 8/2016 bà L2 trả được 50.000.000 đồng, còn nợ lại nợ gốc 50.000.000 đồng. Tuy nhiên từ ngày 01/9/2016 đến ngày bà L1 khởi kiện tại Toà án (ngày 08/6/2023) mặc dù bà L1 đòi nhiều lần nhưng bà L2 không trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án bà L2 xác định còn nợ lại số nợ gốc 50.000.000 đồng của bà L1 và yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu chỉ giải quyết chấp nhận cho nguyên đơn kiện đòi tài sản là nợ gốc (không đồng ý trả lãi).

Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hiệu khởi kiện:

Xét giấy ghi ngày 09/3/2012 giữa bà L2 và bà L1 lập chỉ ghi "L2 mượn chị L1 100.000.000 đồng", không thể hiện là giấy vay tiền; quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cho rằng giao dịch giữa các bên là hợp đồng vay tài sản; còn phía bị đơn khẳng định chỉ là mượn tiền. Hiện nay bà L2 xác định chưa trả hết cho bà L1 50.000.000 số tiền gốc đã nhận và đề nghị Toà án áp dụng quy định về thời hiệu để giải quyết yêu cầu kiện đòi tài sản là số nợ gốc.

Do đó căn cứ tài liệu chứng cứ các bên cung cấp, đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu của bị đơn; Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 184, Điều 185 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 150, Điều 429 Bộ luật dân sự; HĐXX xác định lại quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp kiện đòi tài sản";

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn - bà L2 có nơi cư trú tại huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình đưa vụ án ra xét xử, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiếp tục giải quyết, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[4]. Về nội dung:

[4.1]. Về số nợ gốc: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà L1 yêu cầu bị đơn - bà L2 trả số tiền 50.000.000 đồng nợ gốc từ ngày 01/9/2016; Phía bà L2 cũng xác nhận còn nợ của bà L1 khoản tiền này chưa trả. Như vậy việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả lại tiền là có căn cứ nên cần chấp nhận, buộc bà L2 trả cho bà L1 số tiền nợ gốc là: 50.000.000 đồng;

[4.2]. Về yêu cầu trả nợ lãi từ 01/9/2016 đến nay, HĐXX xét thấy:

- Phía nguyên đơn không đủ tài liệu chứng cứ chứng minh có thoả thuận lãi suất 1%/tháng trên số nợ gốc còn lại;

- Phía bị đơn không thừa nhận là vay có lãi (chỉ là mượn tiền). Đồng thời từ 01/9/2016 phía bị đơn không trả nợ là xâm phạm quyền lợi của nguyên đơn nhưng nguyên đơn không khởi kiện trong thời hiệu pháp luật quy định; Nay bị đơn có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu được HĐXX chấp nhận.

Như vậy, áp dụng quy định thời hiệu khởi kiện thì việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về lãi suất là đã hết thời hiệu khởi kiện nên cần đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu này.

Từ những nhận định trên, căn cứ đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, HĐXX chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Buộc bà L2 phải trả cho bà L1 số nợ gốc còn lại là 50.000.000 đồng; Đồng thời đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu trả lãi suất 1%/tháng (đối với số nợ 50.000.000 đồng) tính từ ngày ngày 01/9/2016 đến ngày xét xử.

[5]. Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng: Từ sau khi vay đên cuối tháng 8/2016 bà L2 có trả góp cho bà L1 nhiều khoản tiền… Tuy nhiên bà L2 đưa ra ý kiến nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, cũng không được bà L1 chấp nhận; Hiện nay bà L2 cũng không đề nghị xem xet làm rõ nội dung này nên HĐXX không đề cập xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí:

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Phương L1 được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện (về nợ gốc) nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp; Đối với phần yêu cầu khởi kiện (về lãi suất) đình chỉ giải quyết không chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn - bà Nguyễn Thị Hồng L2 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả là 50.000.000 đồng, mức án phí cụ thể: 50.000.000đ x 5% = 2.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 185, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 599, Điều 600 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 3 Điều 150, Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị Phương L1;

Buộc bị đơn - bà Nguyễn Thị Hồng L2 phải trả cho bà Nguyễn Thị Phương L1 số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của BLDS năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị Phương L1, về việc: Yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng L2 trả lãi suất phát sinh trên số nợ gốc (50.000.000 đồng) từ ngày 01/9/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất 1%/tháng.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Phương L1 được nhận lại khoản tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng, đã nộp theo biên lai số AA/2021/0017127 ngày 08/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk;

- Bà Nguyễn Thị Hồng L2 phải nộp 2.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

** Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh ĐắkLắk;*
- *VKSND tỉnh ĐắkLắk;*
- *VKSND huyện P;*
- *Chi cục THADS huyện P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký, đóng dấu)

Vũ Văn Đức